

Bản án số: 32/2022/DS-ST

Ngày 23 – 02 – 2022

V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hùng

Bà Ngô Hồng Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Đơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Đơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 343/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 406/2021/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M (Nguyễn Hồng M1), sinh năm 1987; cư trú tại: Ấp T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Trịnh Văn Đ1, sinh năm 1961; cư trú tại: Ấp T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Lê Mỹ T, sinh năm 1965; cư trú tại: Ấp T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa của chị Nguyễn Thị M, thể hiện:*

Ông Trịnh Văn Đ và bà Lê Mỹ T tham gia các dây hụi của chị M, gồm:

- Dây hụi mở ngày 15/8/2018 âm lịch, loại 500.000 đồng, tháng khai 02 lần, gồm 40 chung, ông Đ, bà T tham gia 01 chung đóng được 07 lần thì ông Đ, bà T hốt được số tiền 12.750.000 đồng (đã trừ tiền hoa hồng 350.000 đồng). Sau khi hốt, ông Đ, bà T không đóng hụi và thiếu lại đến lúc mãn hụi (ngày 30/3/2020 âm lịch) là 04 lần với số tiền là 2.000.000 đồng.

- Dây hụi mở ngày 15/01/2019 âm lịch, loại 300.000 đồng, tháng khui 02 lần, gồm 31 chung, ông Đ, bà T tham gia 01 chung đóng được 02 lần thì ông Đ, bà T hốt được số tiền 6.342.000 đồng (đã trừ tiền hoa hồng 250.000 đồng). Sau khi hốt, ông Đ, bà T không đóng hụi và thiếu lại đến lúc mãn hụi (ngày 15/4/2020 âm lịch) là 05 lần với số tiền 1.500.000 đồng.

- Dây hụi mở ngày 15/01/2019 âm lịch, loại 1.000.000 đồng/tháng, gồm 33 chung, ông Đ, bà T tham gia 01 chung đóng được 02 lần thì ông Đ, bà T hốt được số tiền 22.000.000 đồng (đã trừ tiền hoa hồng 700.000 đồng). Sau khi hốt, ông Đ, bà T không đóng hụi và thiếu lại đến lúc mãn hụi (ngày 15/8/2021 âm lịch) là 20 lần với số tiền 20.000.000 đồng.

Tổng số tiền hụi ông Đ, bà T còn thiếu là 23.500.000 đồng nên chị M khởi kiện yêu cầu trả lại tiền nêu trên.

** Lời trình bày tại phiên tòa ngày 11/01/2022 của bà Lê Mỹ T, thể hiện:* Bà thừa nhận có tham gia các dây hụi do chị M làm đầu thảo như chị M trình bày. Đối với dây hụi 500.000 đồng và 300.000 đồng bà đã đóng đủ hụi chết cho chị M. Đối với dây hụi 1.000.000 đồng, bà thừa nhận còn thiếu chị M 19 lần tương ứng với số tiền 19.000.00 đồng. Tuy nhiên, chị M có tham gia dây hụi của bà mở vào ngày 25/01/2017 âm lịch, loại 2.000.000 đồng/tháng và còn thiếu lại số tiền 8.000.000 đồng. Đối trừ, thì bà còn thiếu lại chị M 11.000.000 đồng nên đồng ý trả lại số tiền này. Các dây hụi này do bà trực tiếp giao dịch với chị M mà không liên quan gì đến ông Trịnh Văn Đ (chồng của bà).

** Đối với ông Trịnh Văn Đ:* Mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ về Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng đối với yêu cầu khởi kiện của chị M nhưng ông Đ không có ý kiến gì và cũng không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Trịnh Văn Đ và bà Lê Mỹ T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị M phù hợp với danh sách hụi, biên nhận của bà Lê Mỹ T và lời trình bày tại phiên tòa, thể hiện: Bà T tham gia dây hụi ngày 15/8/2018 âm lịch, hốt hụi vào ngày 07/12/2018 âm lịch được số tiền 12.750.000 đồng; dây hụi ngày 15/01/2019 âm lịch (loại 300.000 đồng), hốt hụi vào ngày 22/02/2019 âm lịch được số tiền 6.342.000 đồng và dây hụi ngày 15/01/2019 âm lịch (loại 1.000.000 đồng), hốt hụi vào ngày 22/3/2019 âm lịch được số tiền 22.000.000 đồng. Hiện các cây hụi này đều đã mãn.

[3] Theo chị M, sau khi hốt hụi, ông Đ, bà T đóng tiền hụi đến lần khui hụi vào ngày 30/01/2020 âm lịch thì ngưng đóng cho đến nay. Theo đó, dây hụi 500.000 đồng mãn vào ngày 30/3/2020 âm lịch, còn thiếu lại 04 lần với số tiền 2.000.000 đồng; dây hụi 300.000 đồng mãn vào ngày 15/4/2020 âm lịch, còn thiếu

lại 05 lần với số tiền 1.500.000 đồng và dây hụi 1.000.000 đồng mẫn vào ngày 15/8/2021 âm lịch còn thiếu lại 20 lần với số tiền 20.000.000 đồng. Theo bà T, dây hụi 500.000 đồng và 300.000 đồng đã đóng đủ cho chị M, chỉ còn thiếu dây hụi 1.000.000 đồng 19 lần với số tiền 19.000.000 đồng; tuy nhiên, do chị M còn thiếu dây hụi bà T mở vào ngày 25/01/2017 âm lịch, loại 2.000.000 đồng/tháng số tiền 8.000.000 đồng, đối trừ thì bà còn thiếu chị M 11.000.000 đồng; các dây hụi này không liên quan đến ông Đ.

[3.1] Lời trình bày của chị M phù hợp với biên bản hòa giải ngày 22/7/2020 (nhằm ngày 02/6/2020 âm lịch) của ấp Tân Hiệp, xã Tân Dân, huyện Đầm Dơi đó là đến thời điểm này thì bà T thừa nhận còn thiếu chị M số tiền 8.500.000 đồng. Do đó, có căn cứ xác định đến ngày 22/7/2020 thì bà T còn thiếu số tiền của dây hụi 500.000 đồng là 2.000.000 đồng, dây hụi 300.000 đồng là 1.500.000 đồng và dây hụi 1.000.000 đồng là 5.000.000 đồng nên việc bà T xác định không thiếu số tiền của các dây hụi 500.000 đồng và 300.000 đồng là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3.2] Dây hụi 1.000.000 đồng mở vào ngày 15/01/2019 âm lịch, gồm 33 chung thì sẽ mẫn vào ngày 15/8/2021 âm lịch (tháng 4/2020 âm lịch nhuận). Như mục [3.1] chị M xác định đến thời điểm này bà T còn thiếu 05 lần, như vậy tính từ ngày địa phương hòa giải đến lúc mẫn hụi vào ngày 15/8/2021 âm lịch thì số lần bà T còn thiếu 15 lần. Do vậy, tổng số lần bà T thiếu chị M là 20 lần tương ứng với số tiền 20.000.000 đồng nên bà T xác định còn thiếu 19 lần là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3.3] Tại phiên tòa ngày 11/01/2022, bà T cung cấp đơn khởi kiện ghi ngày 28/8/2020 (*trước thời điểm này chưa nộp đơn khởi kiện tại Tòa án*), thể hiện: Chị M còn thiếu bà T số tiền 8.000.000 đồng của dây hụi mở vào ngày 25/01/2017 âm lịch, loại 2.000.000 đồng/tháng. Chị M thừa nhận thiếu bà T số tiền nêu trên; tuy nhiên, do bà T còn thiếu bà Mạch Kim Diệu, địa chỉ tại khóm 2, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi số tiền hụi 16.000.000 đồng nên bà T đã cần trừ số tiền hụi mà chị M thiếu qua bà Diệu và chị M đã trả xong tiền hụi cho bà Diệu.

Xét thấy, yêu cầu của bà T vượt quá phạm vi giải quyết vụ án được xác định tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 06/12/2021; bà T không thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu phản tố đúng thời gian quy định của pháp luật nên trong vụ án này Hội đồng xét xử không xem xét, đối trừ trực tiếp khoản nợ mà bà T còn thiếu chị M. Các đương sự có quyền thỏa thuận đối với số tiền này, trường hợp không thỏa thuận được, các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3.4] Từ các phân tích như trên, việc chị M xác định bà T còn thiếu tổng số tiền hụi 23.500.000 đồng là có căn cứ.

[3.5] Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì các dây hụi do bà T trực tiếp tham gia với chị M; tuy nhiên, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Đ không có ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của

chị M; mặt khác các dây hui này phát sinh trong thời gian ông Đ và bà T tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp nên chị M khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà T cùng có trách nhiệm trả số tiền 23.500.000 đồng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Đ, bà T phải chịu: 23.500.000 đồng x 5% = 1.175.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M.

Buộc ông Trịnh Văn Đ, bà Lê Mỹ T trả cho chị M tổng số tiền 23.500.000 đồng (hai mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị M cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, thì hàng tháng ông Đ, bà T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đ, bà T phải chịu 1.175.000 đồng (một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) (chưa nộp).

- Chị M không phải chịu. Hoàn trả lại cho chị M số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011667 ngày 09/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn

